

Số: 18/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 748/2025/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận “*thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Phú Đình N, sinh năm 1978;

2. Bà Nguyễn Thị Hoài B, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 trên cơ sở cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B (Nay là phường T), tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 01/2005 ngày 14/7/2005.

Quá trình chung sống đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thể hòa giải được. Đến nay cả hai vợ chồng nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên cả hai cùng có nguyện vọng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N1 bà B1 02 con chung là Trần Ngọc B2 Tsinh ngày 13/11/2016 và Trần Ngọc K Qsinh ngày 10/12/2008. Ly hôn, ông N1 bà B3 thuận giao hai con cho bà B4 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông N2 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/1 tháng/2 con kể từ ngày có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trần Phú Đình N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Phú Đình N và bà Nguyễn Thị Hoài B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007337 ngày 11/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phú Đình N và bà Nguyễn Thị Hoài B5 tình ly hôn.

- Về con chung: Ông N1 bà B1 02 con chung là Trần Ngọc B2 Tsinh ngày 13/11/2016 và Trần Ngọc K Qsinh ngày 10/12/2008. Ly hôn, ông N1 bà B3 thuận giao hai con cho bà B4 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông N2 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/1 tháng/2 con kể từ ngày có quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Phú Đình N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Ông Trần Phú Đình N và bà Nguyễn Thị Hoài B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007337 ngày 11/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai;(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Văn Hùng